TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 533/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh T.
2. Bà Phan Thị Phượng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2020/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Tổ 24, ấp BC, xã BL, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T0 (T), sinh năm 1972; Nơi cư trú: Tổ 24, ấp BC, xã BL, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/7/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Minh Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T0 kết hôn vào tháng 9 năm 1987, hôn nhân tự tìm hiểu, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, bà T0 gây nợ nần, ông phải đứng ra trả nợ thay, tuy ông đã nhiều lần khuyên bà T0 nhưng bà vẫn không thay đổi, cũng từ đó ông bà không còn T1g nói chung nên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T0.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm

1991, Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992, Nguyễn Văn T2, sinh năm 1995 và Nguyễn Minh T3, sinh năm 1998, hiện 04 con chung đã thành niên và có khả năng lao động được.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T0 đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng bà T0 vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của bà.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Minh Tr có đơn xin vắng mặt. Bà Nguyễn Thị T0 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn ông Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà T0 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử T1 hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự..

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tr và bà T0 tự nguyện tìm hiểu nhau, sau đó chung sống với nhau từ tháng 9 năm 1987, ông bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng lại không đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa ông, bà không được công nhận là quan hệ vợ chồng, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng. Xét yêu cầu của ông Tr yêu cầu ly hôn bà T0. Thấy rằng, ông Tr và bà T0 không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Tr và bà T0 trên cơ sở quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông Tr và bà T0 có 04 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992, Nguyễn Văn T2, sinh năm 1995 và Nguyễn Minh T3, sinh năm 1998, hiện 04 con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tr không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số T tạm ứng án phí ông Tr đã nộp. Bà Nguyễn Thị T0 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Minh Tr và bà Nguyễn Thị T0.

2. Về quan hệ con chung: Ông Tr và bà T0 có 04 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992, Nguyễn Văn T2, sinh năm 1995 và Nguyễn Minh T3, sinh năm 1998, hiện 04 con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003527 ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Bà Nguyễn Thị T0 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Minh Tr và bà Nguyễn Thị T0 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Vũ